KT3-05522BTP9/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP ĐÓNG BAO**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 25/09/2019

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 26/09/2019 - 03/10/2019

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**
KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02 - 03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG * TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Trạng thái bên ngoài/ *Appearance*	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục/ *White crystal, relatively same in size, dry*
7.2. Màu sắc / *Color*	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong *White crystal, clear solution when adding in water*
7.3. Mùi Vị / *Odor & taste*	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ *Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste*
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.5. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % *Reducing sugar content (m/m)*	GS 2/9 - 6 (2011) ICUMSA	-	$7,40 \times 10^{-2}$
7.6. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % *Conductivity ash (m/m)*	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$1,04 \times 10^{-2}$
7.7. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$2,34 \times 10^{-2}$

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.8. Độ màu/ *Color*, IU	TCVN 6333:2010	-	71,8
7.9. Hàm lượng tạp chất không tan trong nước, mg/kg *Water insoluble matter content*	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA	-	6,83
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	0,006	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	AOAC 2016 (2013.06)	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	0,015	Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng đồng, mg/kg *Copper content*	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,40
7.16. Hàm lượng aflatoxin B_1, µg/kg *Aflatoxin B_1 content*	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.17. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596:2007		
• B_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• B_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*
• G_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• G_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*

KT3-05522BTP9/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP ĐÓNG BAO**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 25/09/2019

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 26/09/2019 - 03/10/2019

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**
KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ★
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Mesophilic bacteria*	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	$9,0 \times 10^0$
7.2. Tổng số nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than*
7.3. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than*
7.4. Phát hiện DNA thực vật dựa trên gen trnL *Detection of plant - derived based on trnL gene*	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/*Notes*: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*

QUATEST 3®